TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: **18** /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 18/4/2022
V/v: Không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đức Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Đại – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 704/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị S, sinh năm 1974; Nơi ĐKHKTT: Tổ x, phường P, thành phố TH, tỉnh TH; Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư số 10, tổ y, phường T, thành phố TH, tỉnh TH

* *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ x, phường P, thành phố TH, tỉnh TH

(Có mặt chị S, vắng mặt anh C)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn là chị Lý Thị S trình bày: Chị và anh Đỗ Văn C chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn tại tổ 39 (nay là tổ x), phường P, thành phố TH. Chung sống hạnh phúc được 10 năm thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã khắc phục mâu thuẫn nhưng không tìm được tiếng nói chung, vì con mà cả hai sống trong im lặng một thời gian dài. Chị và anh C sống ly thân hơn 10 năm nay. Tình cảm của chúng tôi không thể hòa hợp được vì quá ngột ngạt và căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được,

xin ly hôn

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Tú Q, sinh ngày 21/11/1998. Hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Đỗ Văn C trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì mâu thuẫn. Tôi và chị S đã sống ly thân đến nay được 10 năm. Chị S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tôi nhất trí.

Về con chung: Có một con chung là Đỗ Tú Q, sinh ngày 21/11/1998. Hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lý Thị S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của Thư ký: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp; Chấp hành đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử; Tại phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 28, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận là vợ chồng đối với chị Lý Thị S và anh Đỗ Văn C; Về con chung: Chị S và anh C có một con chung là Đỗ Tú Q, sinh ngày 21/11/1998. Hiện đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lý Thị S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lý Thị S và anh Đỗ Văn C nơi cư trú tại phường P, thành phố TH nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Đỗ Văn C lần thứ hai. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị S và anh Đỗ Văn C chung sống với nhau từ năm 1997 tại tổ 39 (nay là tổ x), phường P, thành phố TH. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vì con nên cả hai đều sống trong im lặng, anh chị đều xác định đời sống chung ngột ngạt và căng thẳng nên chị S và anh C sống ly thân hơn 10 năm nay. Quá trình xác minh tại địa phương, chị Lý Thị S và anh Đỗ Văn C không có tên trong sổ đăng ký kết hôn vào khoảng thời gian từ năm 1997 đến nay.

Tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 thì nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực.

Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10: Kể từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội họ không được công nhận là vợ chồng.

Như vậy, chị Lý Thị S và anh Đỗ Văn C về chung sống với nhau từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thuộc trường hợp không công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Chị Lý Thị S và anh Đỗ Văn C có một con chung là Đỗ Tú Q, sinh ngày 21/11/1998. Hiện đã trưởng thành.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị Lý Thị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình ; Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Lý Thị S và anh Đỗ Văn C.

2. Về con chung: Chị S và anh C có một con chung là Đỗ Tú Q, sinh ngày 21/11/1998. Hiện đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị S phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000644 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị Lý Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- THA dân sự thành phố TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Thị Thanh Trúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TH, ngày 25 tháng 3 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 18/4/2022 tại Phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 704/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc "Không công nhận là vợ chồng" giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị S, sinh năm 1974; Nơi ĐKHKTT: Tổ 25, phường P, thành phố TH, tỉnh TH; Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư số 10, tổ 01, phường T, thành phố TH, tỉnh TH

* *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ 25, phường P, thành phố TH, tỉnh TH

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Lý Thị S và anh Đỗ Văn C.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Chị S và anh C có một con chung là Đỗ Tú Quyên, sinh ngày 21/11/1998. Hiện đã trưởng thành.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Về án phí: Chị Lý Thị S phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000644 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thanh Trúc